

ĐẶC TRƯNG TÍN HIỆU THẨM MỸ TRONG THÀNH NGỮ SO SÁNH TIẾNG VIỆT

Hoàng Thị Yên*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 19 tháng 06 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 09 tháng 09 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 09 năm 2017

Tóm tắt: Bài viết miêu tả đặc trưng tín hiệu thẩm mỹ của các đơn vị thành ngữ so sánh tiếng Việt có cấu trúc *t như B* theo hướng đồng đại. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các đơn vị có thuộc tính so sánh *t* là động từ đòi hỏi bổ ngữ và *t* là động từ không cần bổ ngữ có phạm vi hoạt động rộng, chiếm ưu thế. Trong thành ngữ so sánh có cấu trúc *t như B* với *t* là tính từ chỉ phẩm chất, tính chất có sự tương ứng về bậc nghĩa cụ thể hay khái quát, biểu trưng giữa thuộc tính so sánh *t* và cấu trúc so sánh *n như B*. Chất liệu của tín hiệu thẩm mỹ trong thành ngữ so sánh có cấu trúc *t như B* khá điển hình, đa dạng, gần gũi với con người, mang đậm dấu ấn văn hóa dân tộc Việt.

Từ khóa: tín hiệu thẩm mỹ, thành ngữ so sánh, tiếng Việt

1. Đặt vấn đề

Tín hiệu thẩm mỹ là một khái niệm có liên quan đến lý thuyết tín hiệu học nói chung, lý thuyết ngôn ngữ học nói riêng, đặc biệt là những tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương. Một tín hiệu thẩm mỹ khi đi vào nghệ thuật đã được chuyển hoá thành một tín hiệu nghệ thuật, tín hiệu thẩm mỹ ngôn ngữ hay còn là tín hiệu văn chương (Trần Thị Thái, 2011). Theo các nhà nghiên cứu, trong thành ngữ, tục ngữ, tín hiệu thẩm mỹ là toàn bộ những yếu tố hiện thực, sự vật, hiện tượng trong đời sống được đưa vào thành ngữ, tục ngữ nhằm tạo cho người tiếp nhận một sự liên tưởng gần gũi với các triết lý về thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan của con người. Quan hệ giữa “*cái biểu hiện*” và “*cái được biểu hiện*” trong kí

hiệu ngôn ngữ thường là vô đoán, nhưng trong tín hiệu thẩm mỹ, chúng luôn có lí do. Điều này khiến cho các hình tượng, sự vật được đề cập đến trong thành ngữ, tục ngữ luôn mang tính khái quát, có giá trị biểu trưng, hàm chứa các thành tố văn hóa (Nguyễn Thùy Dương, 2013). Có thể nhận diện tín hiệu thẩm mỹ và phân biệt nó với chất liệu thẩm mỹ mà qua đó nó được biểu đạt một cách khá dễ dàng trong thành ngữ so sánh. Trong thành ngữ *đất như tôm tươi*, *đất* là tín hiệu thẩm mỹ và *tôm tươi* là chất liệu của tín hiệu thẩm mỹ đó, thuộc nhóm động vật. Với thành ngữ *nhanh như gió*, ta có *nhanh* là tín hiệu thẩm mỹ, *gió* là chất liệu của tín hiệu thẩm mỹ đó, thuộc nhóm các yếu tố tự nhiên... Ở hai đơn vị thành ngữ vừa xét, *n như* là yếu tố dùng để so sánh ngang bằng.

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, cho đến nay, đã xuất hiện khá nhiều các bài viết về thành ngữ tiếng Việt, tuy nhiên, các nghiên cứu giới hạn phạm vi nghiên cứu về thành ngữ so sánh lại chưa nhiều, có thể kể đến công trình của tác giả Trương Đông San (1974), tác giả Hoàng Văn Hành (1976)... Bên cạnh đó, các nghiên cứu so sánh, đối chiếu thành

* ĐT.: 84-972157070

Email: hoangyen70@gmail.com

Bài viết được hoàn thiện trên cơ sở tham luận: Đặc trưng tín hiệu thẩm mỹ trong thành ngữ so sánh tiếng Việt, Báo cáo số 12, tiểu ban 2 Ngôn ngữ học liên ngành, Hội thảo quốc tế *Các khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại và nghiên cứu ngôn ngữ ở Việt Nam*, Viện Ngôn ngữ học, tháng 4/2017.

ngữ so sánh tiếng Việt với các ngôn ngữ khác bắt đầu xuất hiện, ví dụ như công trình của tác giả Phạm Minh Tiến (2008) so sánh với tiếng Trung, tác giả Hoàng Tuyết Minh (2014) so sánh với tiếng Anh... Tác giả Hoàng Văn Hành (2003) cho rằng: thành ngữ so sánh là một tổ hợp từ bền vững, bắt nguồn từ phép so sánh, với nghĩa biểu trưng. Về hình thái - cấu trúc, trong thành ngữ so sánh, thành phần biểu thị quan hệ so sánh và cái so sánh (*như B*) là bộ phận bắt buộc và ổn định trên cấu trúc bề mặt và cấu trúc sâu. Từ ngữ biểu thị cái so sánh (*B*) thường gọi tả những hình tượng điển hình, đậm đà màu sắc dân tộc: *hiền như Bụt...* *t* trong thành ngữ so sánh *t như B* là vế bắt buộc trong cấu trúc sâu nhưng không ổn định trên cấu trúc mặt - tức là, trong một số trường hợp, *t* có thể ẩn đi. Cấu trúc so sánh *như B* có 3 kiểu cơ cấu nghĩa sau: *t như B* (*như B* biểu thị mức độ của *t*), *t như B* (*như B* biểu thị thể cách của *t*), *như B* (biểu thị thuộc tính của *A*). Tầng nghĩa đôi của *B* trong *như B* tạo cho thành ngữ so sánh có tính hình tượng, không có sự đối lập giữa nghĩa đen và nghĩa bóng của *B*. Tác giả Hoàng Văn Hành đề xuất gọi nghĩa của cấu trúc thành ngữ so sánh là nghĩa biểu trưng và *B* là yếu tố chất liệu có vai trò chuyển tải nghĩa biểu trưng đó.

Bài viết sử dụng phương pháp miêu tả định tính theo hướng đồng đại, kết hợp thao tác qui nạp và diễn giải, vận dụng phương pháp phân tích thành tố nghĩa nhằm làm rõ đặc điểm của tín hiệu thẩm mỹ trong thành ngữ so sánh tiếng Việt. Nguồn tư liệu thành ngữ khá phong phú được chúng tôi thu thập từ các cuốn từ điển thành ngữ của các tác giả: Nguyễn Lục, Lương Văn Đăng chủ biên (1978), Nguyễn Lân (1989), Hoàng Văn Hành chủ biên (1988, 1990), Vũ Dung, Vũ Thúy Anh, Vũ Quang Hào (1993), Vũ Ngọc Phan (1998), Hoàng Văn Hành (2003)... Chúng tôi thực hiện nghiên cứu theo các bước sau: i) Tách các đơn vị thành ngữ so sánh thành hai nhóm lớn với 2 dạng cấu trúc

t như B và *như B* (theo quan điểm của tác giả Hoàng Văn Hành, 2003); ii) Tách thành ngữ cấu trúc *t như B* thành: i) Các đơn vị có *t* biểu thị thể cách: *run như cây sậy*; ii) Các đơn vị có *t* biểu thị thuộc tính được đánh giá theo thang độ: *đỏ như son...*; iii) Phân tích các tiểu nhóm thành ngữ theo trường từ vựng biểu thị thuộc tính đặc trưng. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi giới hạn phạm vi nghiên cứu ở việc xét đặc trưng tín hiệu thẩm mỹ của các đơn vị thành ngữ có cấu trúc *t như B* (các đơn vị thành ngữ *như B* có *t* không xuất hiện trên bề mặt của thành ngữ sẽ được xem xét trong một nghiên cứu khác), tiến hành xác định xem thuộc tính *t* của tín hiệu thẩm mỹ được liên tưởng với chất liệu nào của thế giới khách quan.

2. Đặc trưng tín hiệu thẩm mỹ của thành ngữ cấu trúc *t như B* biểu thị thể cách

Trong tiếng Việt, các nhà Việt ngữ có nhiều cách phân loại từ loại nói chung và động từ nói riêng tùy theo phương pháp tiếp cận và mục đích nghiên cứu của mỗi người. Tác giả Nguyễn Thiện Giáp và các cộng sự (1998: 246) phân động từ tiếng Việt thành các nhóm sau: i) Động từ không đòi hỏi bổ ngữ (*ngủ, ngồi...*); ii) Động từ đòi hỏi bổ ngữ (*đào, sai...*), iii) Động từ lưỡng tính (khi thì đòi hỏi bổ ngữ, khi thì không). Việc lựa chọn và dựa theo quan điểm này để phân loại và phân tích thành ngữ, chúng tôi có thể làm rõ đặc trưng tín hiệu thẩm mỹ của thành ngữ đang xét một cách thuận lợi và cụ thể hơn. Thuộc tính so sánh *t* của các đơn vị thành ngữ được qui về hai nhóm: từ ngữ biểu thị thể cách (động từ) và từ ngữ biểu thị thuộc tính đánh giá theo thang độ (tính từ).

2.1. Nhóm có thuộc tính so sánh *t* là động từ không đòi hỏi bổ ngữ

Thuộc nhóm các động từ chỉ trạng thái đứng yên, không chuyển động có các động từ: *chết đứng, đứng, ngủ, ngồi...* với các chất liệu tín hiệu thẩm mỹ tương ứng như: *chết đứng*

- như bị trời trồng/như Từ Hải; đứng - im (yên) như thóc/như trời trồng/như bụi mọc; ngồi - như Bụi mọc/như Bụi mọc... Đứng im như thóc, ngủ say như chết... đều là các trạng thái tĩnh lặng tuyệt đối và dễ hình dung bởi các chất liệu thẩm mỹ quen thuộc. Thành ngữ *chết đứng như Từ Hải* có tích từ Truyện Kiều, khá gần gũi với người Việt bởi sức sống của tác phẩm. Thành ngữ *chết đứng/đứng như trời trồng* cũng vậy. Tuy nhiên, *đứng yên như Bụi mọc (mọc)* hay *ngồi im như Bụi mọc (mọc)* lại là một hình ảnh khá trừu tượng. Bụi mọc là các cột đá, măng đá trong hang động có hình người được người Việt thờ vì tin rằng ở đó có Đức Phật trú ngụ. Ngoài ra, trong thực tế cũng có loài cây có tên là bụi mọc. Các hình ảnh trong các đơn vị thành ngữ nêu trên đều diễn tả tư thế đứng hoặc ngồi im, ở trạng thái bất động, có thể do tác động mạnh và bất ngờ nào đó về tinh thần gây ra.

Thuộc nhóm các động từ liên quan đến âm thanh, chỉ có *cười* mang tính tích cực: *cười - như phá/như pháo ran....* gợi cảm giác sôi nổi, vui tươi bởi âm thanh giòn giã. Ngược lại, các tín hiệu mang tính tiêu cực khá đa dạng, gồm có: *câm - như hén/như thóc...* thể hiện sự trầm lặng, u buồn; *kêu như bò rống/như cháy đồi/như cháy nhà...* vừa thông thiết, vừa cấp bách; *khóc như cha chết/như ri...* gợi cảm giác ai oán, đau thương... Khi mô phỏng tiếng *ngáy* của con người, thành ngữ tiếng Việt có các âm thanh tương ứng: *(như) bò rống/kéo bễ/kéo cưa...*; thậm chí là *ngáy như sấm* - lối nói có phần ngoa dụ có ý phê phán người ngủ gáy âm thanh lớn, kéo dài, đôi khi còn thành giai điệu, gây cảm giác khó chịu, làm ảnh hưởng đến người khác ở gần bên...

Các động từ chỉ quá trình biến đổi với tốc độ rất nhanh, rất rõ rệt của sự vật được liên hệ với các chất liệu khá đa dạng, ví dụ: sự vật (còn), hành động (thối), vật thể nhân tạo (bọt xà phòng, chong chóng), bộ phận cơ thể (bàn tay), thực vật (quả sung)...

Lớn (nhanh) - như thổi	Tan - như bọt xà phòng
Nổi - như cò	Thay đổi - như chong chóng
Rụng - như sung	Trở mặt/Giở mặt - như bàn tay

Mối liên hệ này dựa vào các thuộc tính nổi bật mang tính biểu trưng của các chất liệu tín hiệu thẩm mỹ. Còn đất (hoặc cát) cao nên nổi bật, có thể dễ nhận thấy khi nó đứng giữa vùng trung du với những cánh đồng lúa, đồng màu xanh ngát. Khi thổi bóng bay, quả bóng sẽ phồng to rất nhanh, cũng như vậy, sự trưởng thành của lúa tuổi thiếu niên thường có sức bật phá bất ngờ, lớn bổng lên. Bọt xà phòng to và nhiều nhưng cũng mỏng manh, dễ vỡ và nhanh chóng tan biến. Cây sung thường sai quả, kết thành từng chùm, vì thế, khi chín, trong một thời gian ngắn thường rụng rất nhiều, đầy dưới gốc cây. Cái chong chóng khi gặp gió thường quay nhanh, tít mù. Do vậy, sự thay đổi lúc thế này, lúc thế kia khi được ví với chất liệu nhân tạo này có ý nghĩa biểu trưng rất ấn tượng. Bàn tay con người có thể ngửa, có thể úp một cách dễ dàng, tùy ý. Hai mặt bàn tay thường tượng trưng cho phải và trái, ác và thiện hay chỉ đơn thuần là hai trạng thái tâm lí, tình cảm trái ngược. Bởi lẽ đó, hình ảnh quen thuộc này được ông cha ta thể hiện thái độ lên án những con người hai mặt hai lòng, phản trắc, lật lọng dễ dàng và nhanh chóng. Dường như đối tượng được liên tưởng càng gần gũi, hình ảnh được so sánh càng thân thuộc thì sức biểu đạt càng mạnh mẽ, giá trị biểu trưng của thành ngữ càng cao, giàu sức thuyết phục.

2.2. Nhóm có thuộc tính so sánh t là động từ đòi hỏi bổ ngữ

Thuộc nhóm có thuộc tính so sánh t là ngoại động từ có các động từ biểu đạt sự tiêu diệt. Thành ngữ *bắn như mưa/như đổ/vãi đạn...* thể hiện sự tàn sát dã man, mang tính

chất hàng loạt, không run tay. Hình ảnh *giết người như ngóe*... lên án thái độ coi rẻ mạng người, coi con người chỉ như con vật nhỏ bé, vô giá trị... Nhóm các động từ liên quan đến quan điểm cũng thể hiện thái độ này, xem con người như những vật vô tri, vô giác, đồ bỏ đi, ví dụ: coi/xem mạng người *như ngóe/như mễ/như rác/như rom như rác*... Hơn thế, có những người bất chấp phải trái, coi thường đạo người, lẽ trời: *coi trời bằng vung*. Họ không biết sợ ai, đến ông trời toàn năng như vậy cũng chỉ coi nhỏ và vô tri như cái vung nồi quen thuộc trong bếp mà hàng ngày con người vẫn sử dụng.... Nhóm các động từ *ăn* (khỏe) được liên tưởng với các cách biểu đạt và chất liệu gợi tả sự mạnh mẽ, nhanh chóng, động tác ăn và nuốt một lượng thức ăn rất nhiều, ví dụ: *ăn* (khỏe) *như thần trùng/như mỏ khoét/như rồng cuốn*... Bên cạnh đó, các động từ *rình* - *như mèo rình chuột* khiến ta liên tưởng đến hình ảnh con mèo ngồi bất động, tập trung tinh thần để kiên nhẫn chờ, để rình bắt con mồi; động từ *tiêu* (*tiền*) - *như nước/như phá/như rác*... chỉ kiểu tiêu pha hoang phí, không có giới hạn, không coi trọng giá trị đồng tiền; động từ *cứu* (*nhân*) - *như cứu hỏa* chỉ sự gấp gáp, khẩn trương, bởi lửa đã cháy thì lan rất nhanh, nếu không nhanh chóng dập lửa thì tất cả sẽ biến thành tro bụi. Động từ thể hiện hành động *giữ*, *giấu* lại đi kèm với những tín hiệu mang sắc thái tiêu cực: *giấu* nhưng lại làm rất qua quýt, *câu thả*: *như mèo giấu cút*..., *giữ* rịt, *giữ* khư khư, không rời: *như (giữ) mã tổ*...

Các động từ gây khiến (sai khiến/ khiến động) yêu cầu thực hiện hành động mạnh mẽ. Người sử dụng các cấu trúc này thường có thể để ý hoặc không để ý đến thể diện và tâm tư, nguyện vọng của đối tượng giao tiếp. Có thể thấy sự thúc ép qua cấu trúc so sánh *ép giò* - được liên tưởng với hành động cụ thể là ép cho giò được chắc, ngon; *thúc tà* - được liên tưởng với sự vật - hiện tượng khá trừu tượng, sự giục giã rất mạnh mẽ, gay gắt, khó có thể cưỡng lại hay phản kháng được: *ép* - *như ép giò*, *thúc/*

giục - *như thúc tà/ giục tà*... Trong những trường hợp như thế này, người nghe thường không có quyền quyết định, hành động của họ bị cưỡng chế, đành chấp nhận thực hiện theo sự sai khiến, ra lệnh của người nói. Trái lại, các động từ *lạy/ vái, dõ* hay *van* được dùng trong thành ngữ biểu đạt ý người nói đặt mình ở vị trí thấp, phải dõ dành, van nài, thậm chí là lạy, vái đề cầu xin đối tượng giao tiếp thực hiện hành động nào đó, quyền quyết định lúc này thuộc về người nghe. Thành ngữ *lạy/ vái/ van như té sao* hàm chứa ý nghĩa văn hóa khá sâu sắc: khi té sao, hay té trời đất, con người thường tỏ thái độ hết mực cung kính, hành động lạy, vái thường được lặp đi, lặp lại nhiều lần để tỏ lòng thành và kính trọng đối với trời đất. Trong thành ngữ *dõ như dõ tà/ như dõ vong*, *tà* và *vong* đại diện cho các ma quỷ, *vong* hồn của người đã khuất, thường được cho là khó hiểu, không thể nắm bắt, nếu làm chúng phật ý, dễ gây hậu quả khôn lường cho người sống. Vì thế, để các thế lực này hết giận, hành động dõ dành này phải thực hiện khôn khéo, nhún nhường và kiên nhẫn, lựa và chiều theo ý của họ...

2.3. Nhóm có thuộc tính so sánh t là động từ lưỡng tính

Kết quả khảo sát cho thấy, các động từ chuyển động có sắc thái tích cực thường tương ứng với những chất liệu của tín hiệu thẩm mỹ tích cực, ví dụ các đơn vị như: *phóng* (nhanh) - *như bay, lên* (cao) - *như điều/như điều gập gió*... Ngược lại, các động từ có sắc thái tiêu cực thường tương ứng với các chất liệu mang sắc thái tiêu cực, có thể dẫn các đơn vị thành ngữ sau: *chấp chới* - *như qua đậu chuồng lợn* (để bắt trộm gà - đậu trên các thanh tre/ gỗ gác trong chuồng lợn, vì trộm nên sợ hãi, lén lút, vội vàng), *lạch bạch* - *như vịt bầu* (bước đi nặng nề, chậm và phát thành tiếng khá to), *lúi/lấn/trón* - *như chạch/như cuốc* (biến mất rất nhanh), *ngã* - *như ngã rạ* (nhiều và la liệt như các gốc rạ được cắt và ngã ra phơi trên mặt ruộng vào mùa gặt) hay *giãy* (lên) - *như bị ong châm/như đĩa phải vôi* (rất đau và xót

nên giã giữa mạnh)... Trong ngữ liệu thành ngữ, một số đơn vị cũng xuất hiện các động từ kết hợp với các chất liệu mang sắc thái đa dạng. Tùy theo trường hợp cụ thể, nó có thể kết hợp với các chất liệu thâm mĩ mang sắc thái tích cực hoặc sắc thái tiêu cực. Có thể thấy rõ điều này qua trường hợp của *chạy*; sắc thái tích cực có đơn vị: *chạy (nhanh) như gió/như (con) thoi...* sắc thái tiêu cực có đơn vị: *chạy (hỗn loạn, lung tung, mất phương hướng) - như cò lông công/như đèn cù...*

Đặc biệt, trong thành ngữ tiếng Việt, hành động nói có thể được ghi chú bằng các chất liệu tín hiệu tích cực (ví dụ: *nói ngọt ngào, dễ nghe, thuyết phục - dẻo như kẹo/ngọt như đường/như Thánh phán/như rồng leo...*) hay các chất liệu tín hiệu tiêu cực (ví dụ như: *nói khó nghe, không thuyết phục - dối như Cuội/như đâm vào tai...*). Chúng tôi thu thập được các đơn vị thành ngữ biểu đạt hành động nói và tập hợp vào các nhóm sau:

1) Nhóm các động từ nói năng được soi chiếu, liên tưởng với các chất liệu tín hiệu thâm mĩ tích cực như: *nổ* (giòn, vui tai) - *như ngô rang/như bắp rang/như pháo ran, tán* (giỏi) - *như sáo, hót* (nhiều và hay) - *như khướu...*;

2) Nhóm các động từ nói năng tác động một chiều theo hướng từ trên xuống, đe dọa thể diện người nghe: *chửi* (có bài bản, liên tiếp, dồn dập, chua cay) - *như hát hay/ như tát nước vào mặt/ như vật thịt..., mắng* (liên tiếp không ngừng nghỉ) - *như tát nước (vào mặt)...*;

3) Nhóm các động từ nói năng tự thân, gợi cảm giác khó chịu, ví dụ: *cắm cấn* (cau có, lúc khoan, lúc nhặt) - *như chó cắn ma, làm rằm* (tiếng nhỏ, liên tục, đều đều, dài và dai dẳng) - *như thầy bói nhắm quẻ...*;

4) Nhóm các động từ nói năng tiêu cực có tác động qua lại hai chiều, gây phản cảm, ví dụ như: *cãi nhau* (âm ỉ, kịch liệt) - *như chém chĩa/như mổ bò..., ám oái* (chí chóc, lục đục, ganh tị) - *như hai gái lấy một chồng...*

Các thành ngữ có yếu tố chỉ bộ phận cơ thể thuộc nhóm có thuộc tính t là động từ

lượng tính này không nhiều. Hành động của chân chỉ có *nhảy* với hai cách biểu đạt: (nhảy) *như sáo* thể hiện sắc thái vui tươi, nhịp điệu nhịp nhàng: *nhảy chân sáo*; (nhảy) *như chơi chơi* thể hiện sắc thái tiêu cực hơn một chút, hơi có ý phê phán vì sự vội vã, quá khích, gây chút phiền hà, phản cảm... Hành động của tay xuất hiện nhiều, mang ý nghĩa tích cực, thể hiện sự nhẹ nhàng, nâng niu... Ta có: *nâng* (nhẹ nhàng và cẩn thận) - *như nâng trứng, hứng* (cẩn thận và khéo léo) - *như hứng hoa...* Bên cạnh đó, cũng xuất hiện các đơn vị thành ngữ mang ý nghĩa tiêu cực, ví dụ như:

Khu khu - như ông từ giữ oản	Xoay - như chong chóng
Sờ - như xắm tìm gậy	Xua - như xua ruồi/như xua tà

Các động từ nêu trên thể hiện sự chậm chạp, mờ mẫn của *sờ* (như ông xắm mù mờ xắm tìm gậy) hay tốc độ quá nhanh so với mức bình thường của *xoay* (như chong chóng quay tít khi gặp gió), biểu đạt sự nắm giữ chặt chẽ, cẩn thận quá mức của *khu khu* (như ông từ trông chùa giữ oản thờ) hay thái độ xua đuổi thiếu thiện ý của *xua* (khi đuổi ruồi bâu thức ăn hay gặp ma quỷ)...

Như vậy, các đơn vị thành ngữ có cấu trúc *t như B* biểu thị thể cách được xem xét ở ba nhóm: Nhóm 1 có t là động từ không đòi hỏi bổ ngữ với các động từ chỉ trạng thái đứng yên, không chuyển động như *chết đứng, đứng yên, ngồi...*, các động từ liên quan đến âm thanh như *khóc, cười, kêu, cầm, ngáy...* và các động từ chỉ sự biến hóa, thay đổi như: *nổ, lớn, rụng, tan...* Nhóm 2 với t là động từ đòi hỏi bổ ngữ với các động từ ngoại động như: *bắn, giết, coi, xem, ăn, rình, tiêu, cứu, giấu, giữ...*, các động từ khiên động với áp lực cao như: *ép, thúc, giục...*, áp lực thấp như: *lạy, vái van, dỗ...* Nhóm 3 có t là động từ lượng tính với các động từ chuyển động như: *phóng, chạy, lên, lạch bạch, ngã, lúi...*, hay các động từ nói năng với sắc thái đa dạng như: *nói, nổ,*

tán, hót, chửi, mắng, cảm cấn, làm rằm, cãi nhau, ám óai..., các động từ chỉ hành vi của các bộ phận cơ thể như: *nhảy, nâng, hứng, khur khur, xoay...* Các chất liệu thẩm mỹ tương ứng với các động từ biểu đạt tín hiệu t thường diễn tả một hành động hay quá trình biến đổi, trạng thái nào đó trong thực tế cuộc sống.

3. Đặc trưng tín hiệu thẩm mỹ của thành ngữ cấu trúc *t như B* biểu thị thuộc tính

Tác giả Nguyễn Thiên Giáp và các cộng sự (1998: 247) phân chia tính từ thành 3 nhóm: 1) Tính từ phẩm chất, không có bổ ngữ, ví dụ: *tốt, xấu...*; 2) Tính từ cần bổ ngữ chỉ mức so sánh, ví dụ: *gần biển...*; 3) Tính từ lưỡng tính, ví dụ: *ít, đủ...* Có thể thấy rõ đặc trưng tín hiệu thẩm mỹ của thành ngữ cấu trúc *t như B* biểu thị thuộc tính so sánh ở các tiểu nhóm: i) có t là tính từ chỉ phẩm chất, tính chất; có t là tính từ chỉ sự so sánh, đòi hỏi bổ ngữ; iii) t là tính từ lưỡng tính.

3.1. Nhóm có thuộc tính so sánh t là tính từ chỉ phẩm chất, tính chất

Nhóm thành ngữ có thuộc tính so sánh t chỉ phẩm chất, tính cách của con người được kết nối, liên tưởng với các chất liệu thẩm mỹ khá phong phú, đa dạng. Chất liệu của thành ngữ *ác/dữ - như cộp/hùm* là động vật - thú dữ ăn thịt..., Chất liệu của thành ngữ *hiền/lành - như bụt* là ông tiên rất nhân từ, hay giúp đỡ người nghèo. Trong câu *hiền/ lành - như củ khoai/ như (cục) đất*, chất liệu lại là sự vật - có đặc điểm là để đầu thì ở yên đây, không nhúc nhích, không di chuyển. Chất liệu của thành ngữ *bạc - như rận* là một loài động vật nhỏ, sống kí sinh. Câu thành ngữ *bạc - như vôi* lại có chất liệu là vật thể nhân tạo, có đặc điểm là chóng bạc màu, phai pha bởi mưa nắng. Thành ngữ *ăn ở (có tình) - như bát nước đầy* có chất liệu là vật thể tự nhiên (nước) được chứa trong một vật thể nhân tạo (bát), hình ảnh biểu trưng *bát nước đầy* thể hiện sự tràn đầy tình cảm, sự yêu thương tha thiết... Bên cạnh đó, sự ngu dốt của con người được dân

tộc Việt ví với các con vật quen thuộc, gần gũi với cuộc sống của con người, ví dụ: *ngu (dốt) - như bò/như chó/như lợn* (vì là động vật nên không có trí khôn, không biết nói, không biết suy nghĩ)... Ngoài ra, tính cách người Việt thể hiện trong thành ngữ tiếng Việt khá đa dạng. Ngoài thành ngữ *kín - như bưng* mang sắc thái nghĩa trung lập, các đơn vị thành ngữ khác có thể tạm chia thành 2 nhóm sau đây:

1) Nhóm các tính từ biểu đạt sắc thái tích cực sử dụng chất liệu động vật (cóc tía trong *gan như cóc tía*), bộ phận cơ thể động vật (ruột ngựa trong *thẳng như ruột ngựa*)...

2) Nhóm các đơn vị thành ngữ có sắc thái tiêu cực sử dụng các hình ảnh chất liệu động vật (cáy, thỏ, cua), món ăn (hành không muối), thể lực u tối (ma, hủi), hay nhân vật lịch sử (Tào Tháo)... Từ tính chất đặc trưng của các chất liệu thẩm mỹ đó, các đơn vị thành ngữ được khái quát thành giá trị biểu trưng mang tính chất điển hình như:

Dát/nhát - <i>như cáy/như thỏ (đẽ)</i>	Lật đật - <i>như ma /xa vật ông vải</i>
Lanh chanh - <i>như hành không muối</i>	Lười - <i>như hủi</i>
Ngang - <i>như cua (bò)</i>	Đa nghi - <i>như Tào Tháo</i>

Các đơn vị thành ngữ diễn tả cảm xúc tích cực của con người thường mang tính dương, tươi sáng. Thuộc nhóm này, có thể kể đến các đơn vị thành ngữ như: *sướng - như cời tấm lòng* (rất thoải mái vì trút được bầu tâm sự, nói được, chia sẻ được điều khó nói)/ *như tiên* (đời sống ung dung, tự tại, đi mây về gió, pháp thuật thần thông)...; *mừng - như cha chết sống dậy* (niềm hạnh phúc đoàn tụ khi tưởng chừng vĩnh biệt mãi mãi)/*như bắt được vàng* (tự nhiên có được của quý, có giá trị)...; *vui - như mở hội/như Tết/như trẩy hội* (hội hè, Tết nhất mọi người sum họp và vui chơi)... Trái lại, các đơn vị thành ngữ biểu đạt cảm xúc tiêu cực thường mang tính âm, ứng với các hình ảnh: *buồn - như cha chết* (rất buồn vì mất người

thân)/*nghư trấu cắn* (cảm giác buồn buồn, nhột nhột khi cho tay vào bao trấu, mảnh nhọn sắc của vỏ trấu đâm vào tay gây cảm giác râm ran, khó chịu) ..., *chán - hơn cơm nếp nát* (rất khó ăn, khó nuốt, không ăn được nhiều), *tức - như bò đá* (âm ức nhưng đành chịu đựng)...

Từ nguồn ngữ liệu, chúng tôi chỉ lọc được một đơn vị thành ngữ thể hiện thái độ, tâm trạng tích cực, đó là: *binh chân - như vai* (chum vai thường có chân đế rộng, trong lại thường chứa đồ hoặc đựng nước nên rất vững, khó đổ) thể hiện thái độ bình tĩnh, tâm trạng ổn định của con người. Các tâm trạng khác trong thành ngữ so sánh đều mang tính tiêu cực, ví dụ: *rối - như mở bong bong/nghư tơ vò* (rối đến mức không thể tìm ra đầu mối)... hay: *dùng dùng - như bánh chưng ngày Tết* (Tết ăn nhiều bánh chưng nên hết thềm, trở nên chán ăn, không còn vô vạp nữa); *nóng (ruột) - như cào/nghư lửa đốt* (cảm giác rất đau, xót, nóng đến mức không chịu nổi); *run - như cây sậy/nghư dế* (rung lên bần bật); *tê tái - như gà mái nháy ó* (gà mái đẻ trứng nên đau, rát)...

Tình cảm tiêu cực, thái quá của con người thể hiện trong thành ngữ đôi khi được đẩy đến giới hạn cuối cùng: *mê/ say - như điếu đổ* (say đến mê mẩn, không còn tỉnh táo, không nhận biết gì nữa giống như người hút thuốc lào, say đến ngã ra làm đổ cả điếu?), *ghét - như đào/xúc đất đổ đi* (vì quá ghét nên muốn hất ra xa, không muốn nhìn thấy), *khinh - như mề/nghư rác* (vật vô giá trị, đáng vứt bỏ)... Trái lại, tình cảm tích cực, yêu thương lại bộc lộ vô cùng thấm thiết: *quí - hơn/nghư vàng* (rất quý), *mong/chờ - như mong mẹ về chợ* (mẹ đi chợ về sẽ hết nhớ, lại có quà), *nhớ - như in/nghư chôn vào ruột* (khắc rất sâu trong lòng, trong tâm trí)... Các đơn vị thành ngữ biểu đạt trạng thái tinh thần của con người tạo thành các cặp đối lập khá tương ứng như: *tinh - như sáo/nghư không* (rất tỉnh táo như không chịu một tác động xấu nào) hay trạng thái tâm lí: *vững - như bàn thạch* (bàn đá rất chắc)/*nghư kiềng ba chân* (thế rất cân bằng, không thể đổ)...

với *chòng chành - như nón không quai* (nón không quai gió thổi nhẹ cũng bị nghiêng lệch, lúc thì lệch bên này, lúc lại nghiêng sang bên kia)...

Nhóm thành ngữ có thuộc tính so sánh *t* là tính từ thể hiện cảm giác, vị giác, thính giác xuất hiện khá đa dạng. Cảm giác của con người được biểu đạt trong thành ngữ với các sắc thái phong phú. Đơn vị thể hiện cảm giác tích cực, dễ chịu có: *êm - như nhung* (rất mềm mịn)/*nghư ru* (êm dịu, tình cảm)... Đơn vị thể hiện cảm giác tiêu cực gợi tả sự đau đớn, khó chịu phong phú hơn, có thể kể đến: *dức/nghư - như búa bổ* (búa bổ xuống rất mạnh), *đau - như dằm/nghư hoạn/nghư xé, đói - như cào...* Thuộc tính so sánh trong các đơn vị thành ngữ có thể là các cơ quan tri giác. Với khứu giác, ta có *hôi - như chuột chù/nghư cú* (mùi hôi đặc trưng của các con vật này rất khó chịu)... Với thị giác, xúc giác, ta có *sắc - như dao/hơn dao cau* (quả cau cứng nên dao bổ cau phải rất sắc)... Với xúc giác, ta có *lạnh - như băng* (giá lạnh)/*nghư đồng/nghư tiền* (kim loại lạnh, vô tri), *nóng - như hòn than* (nhiệt cao)/*nghư Trương Phi* (nhân vật trong Tam Quốc diễn nghĩa, tính nóng như lửa)... Khi *t* biểu đạt vị giác, tín hiệu thẩm mỹ của thành ngữ sẽ ứng với các chất liệu là các vật thể đa dạng có vị tương ứng, ví dụ: *nhạt - như nước ao bèo/nghư nước ốc...*; *cay - hơn ớt/nghư ớt*; *đắng - như ngậm bồ hòn*; *chua - như dằm/nghư mề*; *ngọt - như mía lùi...* Khi *t* biểu đạt thính giác, ngoài sự đối lập: *lặng - như tờ* và *ồn ào - như chợ vỡ...*, ta có các chất liệu thẩm mỹ đa dạng, ứng với các tính từ biểu đạt các cung bậc âm thanh phong phú như sau:

Ồ ồ cạc cạc - <i>nghư vịt nghe sấm</i>	Thìn thít - <i>nghư thịt nấu đông</i>
Oang oang - <i>nghư lệnh vỡ</i>	Nhảm nhoét - <i>nghư chuột ngày</i>
The thé - <i>nghư xé vải</i>	Lúng búng - <i>nghư ngậm hột thị</i>

Đặc biệt, các thuộc tính so sánh *t* của các thành ngữ so sánh này cũng có đặc trưng như

cấu trúc so sánh *như B* ở điểm: chúng có hai tầng nghĩa. Nếu *B* ở bậc 1 - biểu đạt nghĩa cụ thể thì *t* cũng ở bậc 1, nếu *B* mang nghĩa biểu trưng của *như B* thì *t* cũng mang nghĩa khái quát. Lúc này, chúng không đơn thuần chỉ là cảm giác mà con người tiếp nhận được từ các cơ quan cảm giác truyền đến trung khu thần kinh mà có giá trị biểu trưng cho tình cảm của con người.

Với nhóm thành ngữ có thuộc tính so sánh *t* là tính từ chỉ điều bộ, vẻ mặt của con người, chất liệu được liên tưởng có thể là sự vật hiện tượng cụ thể, nhưng có khi lại rất trừu tượng. Thể hiện điều bộ mang tính tiêu cực có sắc thái không nhanh nhẹn, thiếu cứng cỏi có thành ngữ: *tiu nghiu* (trông rất buồn) - *như chó cụp đuôi/như mèo cắt tai*.... Ngoài ra, các điều bộ, dáng vẻ của con người được thể hiện khá đa dạng ở các đơn vị sau: *khép nép* (sợ) *như dâu mới về nhà chồng, lẩy bẩy* (run) *như Cao Biền dậy non, len lét* (sợ) *như rắn mỏng năm, lừ đừ* (chậm) *như ông từ vào đền, nhũn* (mềm) *như con chi chi, thì thọt* (ra lại vào) *như chuột ngày, rũ* (úa) *như tàu lá, hùng hục* (cắm đầu cắm cổ) *như trâu húc má*... Thành ngữ biểu hiện vẻ mặt mang tính tiêu cực với các hình ảnh: *vênh váo* - *như bó vợ phải đấm/như khó rợ phải đấm, trơ* - *như đá/như khúc gỗ/như mặt thốt, ngậy* - *như phồng/như ngỗng ỉa; nặng* - *như chì/như đá đeo; tái xanh* - *như chàm đỏ; nhẵn* - *như bị*... Có thể thấy, ở đây, trong thành ngữ so sánh tiếng Việt, các chất liệu thẩm mỹ có thể chỉ là bản thân sự vật hiện tượng (như tàu lá) hay động vật (như con chi chi), cũng có thể là con người hay động vật kèm theo hành động hoặc dáng vẻ của chủ thể (như trâu húc má, như ông từ vào đền) hay trạng thái của sự vật (như chàm đỏ)...

Thành ngữ tiếng Việt xuất hiện các cặp đối lập tương ứng về hình dạng (độ cao thấp, gầy béo, méo tròn, to bé...) của sự vật, trừ khoảng trống của *dầy* (trong đối lập với *mảnh/mỏng*):

Cao - <i>như núi/như sếu</i> ...	Thấp - <i>như vịt</i> ...
To - <i>như cái bồ sát cạp/như voi</i> ...	Bé - <i>như con kiến</i> ...
Béo - <i>như bồ sát cạp/như con cun cút</i> ...	Gầy - <i>như con mắm/như xác ve</i> ...
Tròn - <i>như hạt mít</i>	Dài - <i>như sông</i>
Dầy - ...	Mỏng - <i>như lá lúa/như tờ giấy</i> ...

Chất liệu của tín hiệu thẩm mỹ là động vật xuất hiện khá nhiều trong nhóm này. Chỉ trong chín tín hiệu được nêu làm ví dụ ở trên, đã có 7 lượt chất liệu là các con vật và chúng đều là những con vật gần gũi với đời sống con người và mang những đặc trưng rất nổi bật, dễ nhận biết.

Với nhóm thành ngữ có thuộc tính so sánh *t* là tính từ liên quan đến màu sắc, thuộc tính so sánh *t* biểu thị màu đen và trắng tương ứng với nhiều chất liệu khác nhau, chủ yếu là các vật thể hoặc thực vật, ví dụ: *đen* - *như cột nhà cháy/như củ súng/như đồng hun/như củ tam thất/như quạ; trắng* - *như bông/như cước/như ngà/như trứng gà bóc*. Phần lớn các màu sắc xuất hiện trong thành ngữ so sánh chỉ tương ứng với một hoặc hai chất liệu, ví dụ: (*mặt*) *đỏ như gấc/như gà chọi*. Riêng *đồng hun* biểu trưng cho hai màu: *đen/đỏ như đồng hun*, các màu sắc khác được liên tưởng với các chất liệu như sau:

Vàng (mặt) - *như nghệ* Xanh - *như lá*
 Óng - *như ngà* Bạc (phận) - *như vôi*

Ngoài ra, *độ sáng/rõ* chỉ được liên tưởng với *ban ngày*, nhưng *tối* lại được thể hiện khá phong phú, đa dạng: *tối* - *như bùng/như đêm ba mươi/như hũ nút/như mực*...

Trong thành ngữ so sánh, tính chất của sự vật thường tương ứng với các chất liệu mang đặc tính đó. Đối lập giữa *nặng* và *nhẹ*, ta có:

nặng - như chì/như đá đeo; nhẹ - như bấc/như lông hồng... Đối lập giữa *rắn/cứng* và *mềm/nát*, ta có: *cứng/rắn - như đá/như sắt/như thép; mềm - như bún, nát - như mỡ/như tương...* Đối lập giữa *chắc* và *lép/xác/xơ*, ta có: *chắc - như cua đá/như đinh đóng cột, lép - như trấu, xác - như tổ đĩa/như vờ, xơ - như nhộng...* Bên cạnh đó, trong tiếng Việt còn xuất hiện các đơn vị thành ngữ so sánh đề cập tới bề mặt của sự vật hiện tượng như: *căng - như mặt trống, nhẵn - như đĩa Bụt, lỗ chỗ - như tổ ong, rách - như tổ đĩa/như xơ mướp...* Với độ sắc của sự vật, phát hiện khoảng trống của *cùn* trong đối lập với *sắc - như dao cau/như nước*. Ngoài ra, ta cũng có thể xác định các cặp đối lập không tương ứng về độ *giòn* với *dai/dẻo, khô* với *dính/ướt* của sự vật:

Giòn (chuyện) - như bắp rang..	Dai - như bò đái/như đĩa (đôi) Dẻo - như kẹo (kéo)/như mửa
Khô - như ngói	Dính - như keo, Ướt - như chuột lột

Về độ khó của sự vật hiện tượng, có thể phát hiện khoảng trống của *khó* trong đối lập với *dễ - như trở bàn tay*. Với các thuộc tính khác của sự vật, trong thành ngữ so sánh tiếng Việt, chúng tôi phát hiện các cặp đối lập tương ứng xấu - đẹp, bẩn/lấm - sạch, đất - rẻ, chậm - nhanh như sau:

1) Xấu	<i>như ma/như ma lem/như ma mút</i>
Đẹp	<i>như tiên/như tranh (tổ nữ)</i>
2) Bẩn/ Lấm	<i>như hủi/như ma lem/như trấu dằm...</i>
Sạch	<i>như chùi/như lau</i>
3) Đất	<i>như tôm tươi</i>
Rẻ	<i>như bèo/như củi lứt</i>
4) Chậm	<i>như rùa/như sên</i>
Nhanh	<i>như ăn cướp/như cắt/như chớp/như sóc...</i>

Có thể thấy, thước đo cái xấu, cái đẹp trong thành ngữ tiếng Việt khá ước lệ, vì thế, ta khó có thể xác định mức độ cụ thể. Sự liên tưởng, so sánh đánh giá mức độ bản cũng có

phần mơ hồ: *bẩn như ma lem/như hủi*. Các chất liệu khác dùng để làm đối tượng so sánh ở các cặp đối lập còn lại, nhìn chung đều gần gũi, có thể xác định hoặc liên tưởng một cách khá dễ dàng, ví dụ như: *lám như trấu dằm, chậm như sên, nhanh như sóc, đất như tôm tươi, rẻ như củi lứt...*

3.2. Nhóm có thuộc tính so sánh *t* là tính từ chỉ sự so sánh, đòi hỏi bổ ngữ

Đây là những tính từ chỉ sự so sánh, cần có bổ ngữ chỉ mốc so sánh đi kèm, ví dụ: *xa trường, gần biển, giống cha...* Chúng tôi thu thập được một số các đơn vị thành ngữ có *t* chỉ sự giống (nhau) giữa các sự vật hiện tượng: *giống (nhau) như đũa/như hai giọt nước/như in/như lột...* Đơn vị thành ngữ có *t* chỉ sự khác (nhau) giữa các sự vật hiện tượng có một đơn vị: *khác (nhau) một trời, một vực* nhấn mạnh mức độ khác biệt là vô cùng lớn bởi vì khoảng cách giữa trời và đất đã lớn, nhưng nếu là khoảng cách giữa trời và vực sâu sẽ là thêm một mức độ xa đáng kể nữa.

3.3. Nhóm có thuộc tính so sánh *t* là tính từ lượng tính

Thuộc nhóm các đơn vị chỉ số lượng, nguồn tư liệu thành ngữ so sánh xuất hiện hai đơn vị: *chàng chịt (rối rắm)- như mạng nhện* và *chật/ chật - như nêm (cối)*. Cả hai đơn vị đều có giá trị biểu trưng về sự vật với số lượng nhiều tồn tại trong một không gian hẹp. Nhóm chất liệu thể hiện số lượng nhiều xuất hiện phong phú (với khoảng trống của *t* chỉ số lượng ít) và có sự phân biệt theo thuộc tính của *t*. Điểm đặc biệt ở các đơn vị thành ngữ này là ý nghĩa *nhiều* lại ẩn, chỉ được biểu đạt một cách gián tiếp qua tính chất của nhóm chất liệu tương ứng. Xét các đơn vị sau:

Chảy rận		<i>như sung</i>
Cướp		<i>như rươi</i>
đường	(Nhiều)	<i>như rươi</i>
Kẻ cắp		<i>như rươi</i>
Muối		<i>như trấu</i>

Chấy rận nhiều, không thể đếm nổi, chỉ chít như cây sung sai quả. Xã hội loạn nên kẻ cắp, kẻ cướp nhanh nhẹn, nhiều như rươi vào mùa. Muỗi nhiều như trâu... Chất liệu của nhóm tín hiệu thẩm mỹ này là động vật và thực vật, gần gũi với người dân. Ngoài ra, nguồn tư liệu còn có cặp đối lập *đông – vắng* với chất liệu tín hiệu thẩm mỹ gợi hình ảnh khá ấn tượng và giàu bản sắc dân tộc: *vắng - như bãi tha ma/như chùa Bà Đanh*. Đặc biệt, khi *t* là tính từ *đông*, ta có thể tìm thấy các mối liên tưởng vô cùng phong phú của dân tộc Việt: *đông - như hội/như kiến (cò)/như mắc cửi/như nước chảy/như trảy hội...*

Như vậy, các đơn vị thành ngữ cấu trúc *t như B* biểu thị thuộc tính với *t* là các tính từ được xem xét ở ba nhóm. Nhóm các đơn vị có *t* là tính từ cần bổ ngữ chỉ mức so sánh chỉ xuất hiện cặp đối lập *giống - khác*. Nhóm các thành ngữ có *t* là tính từ lưỡng tính xuất hiện cặp đối lập *đông - vắng*, xuất hiện một số đơn vị thành ngữ chỉ số lượng *nhiều* (với khoảng trống của *ít*). Nhóm các đơn vị có *t* là tính từ chỉ phẩm chất, tính chất có số lượng lớn, gồm các tiểu nhóm nhỏ như: các tính từ chỉ phẩm chất, tính cách như: *ác/dữ, hiền/lành, lười, nhát...*; các tính từ biểu thị thái độ, tâm trạng, trạng thái như: *vui, buồn, chán, dửng dưng, tức, tê tái, đau, ghét, quí...*; các tính từ biểu thị cảm giác, vị giác, thính giác như: *êm, đói, cay, nhạt, ngọt, lạnh, nóng, the thé, thin thít...*; các tính từ chỉ điệu bộ, vẻ mặt như: *tiu ngiu, lừ đừ, vênh váo, trơ, nhẵn...*; các tính từ chỉ hình dạng như: *béo, cao, tròn, thấp, dài, gầy...*; các tính từ chỉ màu sắc như: *đen, trắng, vàng, xanh, đỏ...*; các tính từ chỉ tính chất của sự vật, hiện tượng như: *nặng, nhẹ, cứng, nát, chắc, giòn, khô, ướt, sắc, cùn, sạch, bẩn...* Tương ứng với sự đa dạng của các tín hiệu thẩm mỹ, các chất liệu thẩm mỹ cũng xuất hiện vô cùng phong phú, giàu sắc thái biểu cảm, phản ánh chân thực thế giới tinh thần của con người và thế giới tự nhiên sinh động.

4. Kết luận

Qua phân tích, có thể thấy tín hiệu thẩm mỹ của các thành ngữ so sánh có cấu trúc *t như B* có các đặc trưng sau: i) Các đơn vị có thuộc tính so sánh *t* là động từ đòi hỏi bổ ngữ và *t* là tính từ không cần bổ ngữ có phạm vi hoạt động rộng, chiếm ưu thế so với các nhóm khác; ii) Bên cạnh tính đa tầng của cấu trúc so sánh *như B*, ghi nhận có sự tương ứng về bậc của thuộc tính so sánh *t* trong thành ngữ có cấu trúc *t như B*; iii) Chất liệu của tín hiệu thẩm mỹ trong thành ngữ so sánh cấu trúc *t như B* đặc biệt gần gũi với con người và xuất hiện khá phong phú, mang đậm dấu ấn văn hóa dân tộc Việt, ví dụ: tương ứng với các tín hiệu thẩm mỹ thuộc nhóm trạng thái tính chất là nhóm chất liệu là vật thể nhân tạo, nhóm chất liệu là động vật và thực vật, nhóm chất liệu là vật thể tự nhiên, nhóm chất liệu là bộ phận cơ thể...; tương ứng với các tín hiệu thẩm mỹ thuộc nhóm thể cách là các hành động, quá trình, diễn tiến... Trong thực tế, tuy nghiên cứu về thành ngữ tiếng Việt đã đạt được nhiều thành tựu to lớn nhưng việc xem xét thành ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp và trong quan hệ đối sánh với các ngôn ngữ khác cũng tồn tại không ít khoảng trống, cần được quan tâm và tiếp tục nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- Vũ Dung, Vũ Thúy Anh, Vũ Quang Hào (1993). *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Nguyễn Thùy Dương (2013). *Một số tín hiệu thẩm mỹ trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Hàn*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, luận văn.
- Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết (1998). *Dẫn luận ngôn ngữ học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Hoàng Văn Hành (2003). *Thành ngữ học tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Hoàng Văn Hành (1976). Về bản chất của thành ngữ so sánh trong tiếng Việt. *Ngôn ngữ số 1*.
- Hoàng Văn Hành chủ biên (1988). *Kể chuyện thành ngữ tục ngữ tập 1, 2*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Hoàng Văn Hành chủ biên (1990). *Kể chuyện thành ngữ tục ngữ tập 3*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Nguyễn Lân (1989). *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa.

Nguyễn Lục, Lương Văn Đàng (chủ biên) (1978). *Từ điển thành ngữ tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Hoàng Tuyết Minh (2014). Nét văn hóa dân tộc trong thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh (đối chiếu với tiếng Việt). *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 9 (2014).

Vũ Ngọc Phan (1998). *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Trương Đông San (1974). Thành ngữ so sánh trong tiếng Việt. *Ngôn ngữ số 1*.

Trần Thị Thái (2011). *Một số tín hiệu thẩm mỹ trong thơ Tố Hữu*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, luận văn.

Phạm Minh Tiến (2008). *Đặc điểm thành ngữ so sánh tiếng Hán (có đối chiếu với tiếng Việt)*. Viện Ngôn ngữ học, luận án.

FEATURES OF AESTHETIC SIGNALS IN VIETNAMESE COMPARATIVE IDIOMS

Hoang Thi Yen

*Faculty of Korean Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: The article describes features of aesthetic signals of Vietnamese comparative idioms structured by *t như B* (*t like B*) from synchronic approach. The result of this research shows that units containing *t* as a verb that requires an object and *t* as an adjective that does not require an object account for a predominant proportion with large scopes of operation. Comparative idioms of the structure *t like B* with *t* being an adjective of quality or attribute contain correspondence as regards specific or symbolic, generic meanings between *t* and *B*. The identifiers with aesthetic features in comparative idioms of the structure *t like B* are mostly prototypical and diverse, which are familiar to the Vietnamese and imbued with profound Vietnamese cultural imprints.

Keywords: aesthetic signals, comparative idioms, Vietnamese